|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐẮK NÔNG**  Số: /20../NQ-HĐND  DỰ THẢO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Đắk Nông, ngày tháng năm 2019* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Chính sách hỗ trợ Hệ sinh thái Khởi nghiệp**

**đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ Hệ sinh thái Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025".*

*Căn cứ Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài chính, quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án "Hỗ trợ Hệ sinh thái Khởi nghiệp đối mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025".*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Chính sách hỗ trợ Hệ sinh thái Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất thông qua Chính sách hỗ trợ Hệ sinh thái Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025 với các nội dung như sau:

# I. Quy định chung

## 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Hỗ trợ Hệ sinh thái Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” và “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

b) Đối tượng áp dụng

- Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Doanh nghiệp khởi nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

- Các cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

## 2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

b) Hỗ trợ có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh.

c) Việc hỗ trợ sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước do các tổ chức, cá nhân tài trợ được thực hiện theo quy định của tổ chức, cá nhân đó nhưng không được trái quy định của pháp luật.

d) Trường hợp đối tượng hỗ trợ đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì đối tượng được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

đ) Trường hợp nhiều đối tượng hỗ trợ cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo Nghị quyết này thì ưu tiên lựa chọn đối tượng hỗ trợ do phụ nữ làm chủ hoặc sử dụng nhiều lao động nữ.

# II. Nội dung và mức chi

## 1. Nội dung và mức chi thực hiện Đề án "Hỗ trợ Hệ sinh thái Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông"

a) Phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo Điều 6, Thông tư 45/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 19/7/2019.

b) Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp: Thực hiện theo Điều 9, Thông tư 45/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 19/7/2019.

c) Hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo Điều 10, Thông tư 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính.

2. Thành lập 01 khu làm việc chung của tỉnh, trong đó hỗ trợ đầu tư trang thiết bị cho khu làm việc chung để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ chi phí hoạt động của khu làm việc chung, nhưng tối đa không quá 300 triệu/năm.

## 3. Nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo”

a) Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, nhưng không quá 05 triệu đồng/đối tượng quyền sở hữu trí tuệ;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ, nhưng không quá 15 triệu/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn và thiết kế, đăng ký bảo hỗ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế; nhưng không quá 40 triệu đồng/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý, nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng.

b) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới:

- Cung cấp thông tin miễn phí về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/tiêu chuẩn;

- Hỗ trợ 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; Hỗ trợ 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; Hỗ trợ 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá 01 lần trên năm;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường, nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hóa tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá 01 lần trên năm.

c) Hỗ trợ về ứng dụng, chuyển giao công nghệ: Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng ứng dụng công nghệ cao, hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng không quá 100 triệu trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm.

d) Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa:

- Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo chuyên sâu về các nội dung sau: xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm, gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học. Chi phí hỗ trợ không quá 20 triệu đồng trên một khóa học đào tạo và không quá 01 khóa đào tạo trên năm;

- Miễn phí tra cứu, khai thác, cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu;

- Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế; được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách nhà nước;

- Miễn phí cung cấp thông tin, truyền thông về kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

đ) Hỗ trợ sử dụng khu làm việc chung: Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp.

## 3. Phương thức lựa chọn đối tượng hỗ trợ

a) Các đối tượng được hỗ trợ theo Đề án “Hỗ trợ Hệ sinh thái Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” được lựa chọn theo quy định của đơn vị chủ trì thực hiện Đề án và Thông tư 45/2019/TT-BTC.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn hỗ trợ theo một trong các phương thức quy định tại Điều 20, Nghị định 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/3/2018.

## 4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Chính sách hỗ trợ Hệ sinh thái Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025 theo Nghị quyết này bao gồm: Ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành; lồng ghép thực hiện với các Chương trình, Kế hoạch, Dự án liên quan và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết nếu gặp vướng mắc phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa III, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày … tháng … năm 2019 và có hiệu lực từ ngày …. tháng … năm 2019./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UVTV Quốc hội, Chính phủ;  - Các Bộ: KHCN, KHĐT, TC;  - Ban Công tác đại biểu;  - Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;  - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Các Ban HĐND tỉnh;  - Các Ban đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;  - VP: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Các Sở, ngành, đoàn thể của tỉnh;  - HĐND, UBND các huyện, thị xã;  - Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Đắk Nông;  - Báo Đắk Nông; Đài PT-TH tỉnh;  - Cổng TTĐT tỉnh, Công báo Đắk Nông;  - Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;  - Lưu: VT, TH. | **CHỦ TỊCH** |